TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2019.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Tám.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXX- ST ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Bích L

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn N

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Thị Bích L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn N kết hôn nhau trên tinh thần tự nguyện ngày 21/01/2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 24/03/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoản năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, khi mẹ bà la rầy thì ông N cho rằng mẹ bà khó khăn, nên N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống vào đầu năm 2018, đến cuối năm 2018 thì ông bà đi thành phố làm

thuê, con giao cho mẹ bà nuôi và đến tết năm 2019 thì ông N đến rước con về chơi thì mẹ bà không cho, nên ông bà đưa con lên thành phố được 01 tháng thì mẹ bà kêu bà đưa hai cháu về đi học, bà cùng hai con về còn ông N ở thành phố làm được 01 tháng thì về quê cất nhà và kêu bà về ở thì bà không đồng ý và kể từ tháng 02/2019 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà không có gặp nhau để bàn bạc. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 12/4/2010 và cháu Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 28/2/2012, hiện nay hai cháu đang sống với bà. Nếu ly hôn, tùy con muốn sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 23/4/2019; biên bản hòa giải ngày 24/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn và thời gian ly thân; con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do mẹ vợ quá khó khăn nên ông mới về nhà cha mẹ ruột sống đầu năm 2018, đến cuối năm 2018 thì ông bà đi thành phố làm thuê, con giao cho mẹ vợ nuôi và đến tết năm 2019 thì ông đến rước con về chơi thì mẹ vợ không cho mà con chửi ông, nên ông bà đưa con lên thành phố được 01 tháng thì mẹ vợ kêu đưa hai con về đi học, ông không đồng ý nhưng vợ ông không nghe và đưa hai con về để đi học còn ông ở thành phố làm được 01 tháng thì về quê cất nhà và kêu vợ con về ở thì vợ con không về và kể từ tháng 02/2019 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc.

Nay theo yêu cầu của bà L thì ông đồng ý ly hôn; yêu cầu được nuôi con chung là cháu T, còn cháu D thì giao cho bà L nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao 02 con chung cho bà Hồ Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Bích L và ông Huỳnh Văn N cưới nhau trên tinh thần tự nguyện ngày 21/01/2009, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do ông N có tính cờ bạc, xử sự chưa tế đối với gia đình bên vợ; còn phía bà L thiếu quan tâm đến chồng con, chuyện sinh hoạt nhỏ trong gia đình không cùng chồng khắc phục, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà L kiên quyết ly hôn với ông N và phía ông N cũng đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Hồ Thị Bích L được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

[2] Về con chung: Bà Hồ Thị Bích L và ông Huỳnh Văn N thừa nhận ông bà sống chung có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 12/4/2010 và cháu Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 28/2/2012, hiện nay hai cháu đang sống với bà L; bà L yêu cầu nuôi 02 con chung, còn ông N yêu cầu nuôi cháu T và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**: Hai cháu Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 12/4/2010 và cháu Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 28/2/2012 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 12/06/2019 thì 02 cháu T và cháu D đủ 07 tuổi trở lên cũng như hai cháu T và cháu D đều là nữ giới và tại biên bản ghi nhận ý kiến trình bày về nguyện vọng của cháu T và cháu D cùng ngày 23/4/2019 thì hai cháu đều trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của hai cháu muốn sống cùng với bà L cũng như kể từ khi ly thân cho đến nay hai cháu T và cháu D đều do bà L nuôi dưỡng, hai cháu phát triển đầy đủ về thể chất và hiện nay hai cháu sống với bà L cũng thể hiện bà L là người đáp ứng đầy đủ quyền lợi về mọi mặt của hai cháu là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao hai cháu T và cháu D cho bà L nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho hai cháu T và cháu D. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho hai cháu T và cháu D.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, bà Hồ Thị Bích L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai con chung cho bà Hồ Thị Bích L trực tiếp nuôi là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hồ Thị Bích L được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

2. Về con chung: Xử giao hai cháu Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 12/4/2010 và cháu Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 28/2/2012 cho bà Hồ Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; ông Huỳnh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà L không yêu cầu.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông N, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hồ Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: XXX, ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các bên đương sự;
- Ủy ban ND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng